

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN
NƯỚC TRONG
NUOC TRONG HYDROPOWER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số/No: 94/2026/CBTT-NTH

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 07 năm 2026
Quang Ngai, July 07, 2026

“V/v/Ref: Công bố thông tin Báo cáo tình hình Quản trị Công ty 06 tháng năm 2026 / Disclosure Information Report on the situation of Corporate Governance 06 months year 2026”

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

Tên công ty/Name of company : Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong/Nuoc Trong Hydropower Joint Stock Company

Mã chứng khoán/Stock symbol : NTH

Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice : Thôn Nước Tang, xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Nuoc Tang Village, Son Ha Commune, Quang Ngai Province, Vietnam.

Điện thoại/Telephone : (0255) 381 9662 Fax: (0255) 381 9598

Người thực hiện CBTT/Spokesman : Ông Ngô Trung Dũng Chức vụ: Giám đốc
Mr. Ngo Trung Dung Position: Director

Loại thông tin công bố/Information disclosure type : 24 h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
24 hours Request Abnormal Periodic

Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure : Báo cáo tình hình Quản trị Công ty 06 tháng năm 2026
Disclosure Information Report on the situation of Corporate Governance 06 months year 2026.

Địa chỉ Website công bố thông tin/Website address for information disclosure:
www.thuydiennuoctrong.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- HĐQT, BKS (b/c)/Board of Directors, Supervisory Board (report);
- Lưu/Kept at: VT/Archived

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE PERSON**



Ngô Trung Dũng

Số/No: 33 /2026/BC-NTH

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 07 năm 2026
Quang Ngai, July 07, 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
06 tháng/Năm 2026
06 months/Year 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange.

- Tên công ty/ *Name of company*: Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong/ *Nuoc Trong Hydropower Joint Stock Company*
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of headoffice*: Thôn Nước Tang, xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/ *Nuoc Tang Village, Son Ha Commune, Quang Ngai Province, Vietnam.*
- Điện thoại/ *Telephone* : 0255.3819662 Fax: 0255.3819598
- Email :
- Vốn điều lệ/ *Charter capital* : 108.020.530.000 VND.
- Mã chứng khoán/ *Stock symbol* : NTH
- Mô hình quản trị công ty/ *Governance model*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc/ *General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Supervisory Board, and Director.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ *The implementation of internal audit*: Đã thực hiện/ *Implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ *Activities of the General Meeting of Shareholders*:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ *Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments)*:

STT No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	10/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026 <i>April 23, 2026</i>	Thông qua các nội dung/ <i>Through the content</i> : - Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025.

			<p><i>Board of Directors Report 2025.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025. <i>Board of Supervisors Report 2025.</i> - BCTC năm 2025 đã được kiểm toán. <i>Audited 2025 Financial Statements.</i> - Kết quả SXKD và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025. <i>Business production results, Profit distribution plan for 2025.</i> - Kế hoạch SXKD và Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2026. <i>Production and Business Plan and Profit Distribution Plan for 2026</i> - Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét BCTC bán niên năm 2026 và BCTC năm 2026 <i>Selecting an auditing unit to review the 2026 Semi-Annual Financial Statements and 2026 Financial Statements.</i> - Mức Lương chuyên trách/thù lao của HĐQT và BKS năm 2026 <i>Salary/remuneration of the Board of Directors and Supervisory Board in 2026</i>
2	11/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026 April 23, 2026	<p>Thay đổi nội dung ĐKKD của công ty/<i>Changes to the company's business registration details:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi (điều chỉnh) tên và mã ngành nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế được ban hành tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/09/2025 về việc Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam/ <i>Change (adjust) the names and code of business line to the System of Economic Sectors promulgated in Decision No. 36/2025/QĐ-TTg of the Prime Minister dated September 29, 2025, on the promulgation of the System of Economic Sectors of Vietnam.</i> - Điều chỉnh địa chỉ trụ sở chính của công ty do thay đổi địa giới hành chính/ <i>Adjustment of the company's head office address due to changes in administrative boundaries: Thôn Nước Tang, xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Nuoc Tang Village, Son Hà Commune, Quang Ngai Province, Vietnam</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng/năm 2026)/ *Board of Directors (The report 06 months/year 2026):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Directors:*

STT No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)/ Position (Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1	Ông Nguyễn Văn Cao Mr. Nguyen Van Cao	Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board of Directors	27/05/2022 May 27, 2022	
2	Ông Nguyễn Đình Thọ Mr. Nguyen Dinh Tho	Thành viên HĐQT không điều hành/ Non-executive Member the Board of Directors	22/07/2017 July 22, 2017	
3	Ông Phạm Phong Thành Mr. Pham Phong Thanh	- Thành viên độc lập HĐQT/ Independent Member the Board of Directors - Tổ trưởng Tổ kiểm toán nội bộ/ Head of Internal Audit Team	27/06/2020 June 27, 2020 02/07/2022 July 2, 2022	
4	Bà Võ Thụy Vân Khanh Ms. Vo Thuy Van Khanh	Thành viên HĐQT không điều hành/ Non-executive Member the Board of Directors	27/05/2022 May 27, 2022	
5	Ông Trần Minh Huy Mr. Tran Minh Huy	- Thành viên HĐQT không điều hành/ Non-executive Member the Board of Directors - Thành viên Tổ kiểm toán nội bộ/ Internal Audit Team Members	27/05/2022 May 27, 2022 02/07/2022 July 2, 2022	

2. Các cuộc họp HĐQT/ Meetings of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Số buổi họp HĐQT tham dự/Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Ông Nguyễn Văn Cao Mr. Nguyen Van Cao	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Đình Thọ Mr. Nguyen Dinh Tho	5/5	100%	

3	Ông Phạm Phong Thành <i>Mr. Pham Phong Thanh</i>	5/5	100%	
4	Bà Võ Thụy Vân Khanh <i>Ms. Vo Thuy Van Khanh</i>	5/5	100%	
5	Ông Trần Minh Huy <i>Mr. Tran Minh Huy</i>	5/5	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.
Supervise the implementation of the Annual General Meeting of Shareholders Resolution.
- Giám sát việc thực hiện Kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
Monitor the implementation of the Business Plan approved by the Annual General Meeting of Shareholders.
- Giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.
Monitor the Company's financial activities
- Kiểm tra giám sát việc điều hành SXKD bám sát mục tiêu của Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
Inspect and supervise production and business operations to closely follow the objectives of the Resolution and Decision of the Board of Directors.
- Luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo thuận lợi cho công tác điều hành của Ban giám đốc.
Always closely monitor the activities of the Board of Directors, promptly resolve arising issues under the authority of the Board of Directors to facilitate the operations of the Board of Directors.
- Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.
Board members regularly exchange information and consult on important issues in the Company's operations via email and telephone in addition to regular meetings.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):*

Tổ Kiểm toán nội bộ thực hiện theo Quy chế kiểm toán nội bộ CTCP Thủy điện Nước Trong.

The Internal Audit Team performs according to the Internal Audit Regulations of Nuoc Trong Hydropower Joint Stock Company.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng/năm 2026)/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors (The report 06 months/year 2026)*

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Deci sion No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	01/2026/NQ- HĐQT	07/01/2026 January 07, 2026	- Thống nhất Kế hoạch SXKD 2026 <i>Agree on the 2026 Production and Business Plan</i> - Thông qua việc chi Lương tháng 13 năm 2025 cho HĐQT, Ban kiểm soát và CBCNV <i>Approval of the payment of 13th month salary in 2025 for the Board of Directors, Board of Supervisors and employees</i>	100%
2	02/2026/NQ- HĐQT	10/02/2026 February 10, 2026	Thông qua việc chốt DSCĐ để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. <i>Approval of the finalization of the list of shareholders to organize the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
3	03/2026/NQ- HĐQT	05/03/2026 March 05, 2026	Thống nhất các nội dung để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. <i>Agree on the contents to submit to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
4	12/2026/NQ- HĐQT	23/04/2026 April 23, 2026	Thông qua việc chi trả cổ tức còn lại năm 2025 bằng tiền và ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức còn lại năm 2025 bằng tiền. <i>Approve the payment of the remaining dividend in 2025 in cash and the closing date of the list of shareholders to pay the remaining dividend in 2025 in cash.</i>	100%
5	13/2026/NQ- HĐQT	23/04/2026 April 23, 2026	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 và Báo cáo tài chính năm 2026 <i>Approving the selection of AAC Auditing and Accounting Company Limited as the auditing unit to review the 2026 Semi-annual Financial Statements and 2026 Financial Statements Board.</i>	100%
6	14/2026/NQ- HĐQT	23/04/2026 April 23, 2026	Thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn thời gian thích hợp để phân phối đối với: Quỹ Khen thưởng Phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành (Thường vượt kế hoạch LNST cho HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty) được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. <i>Through authorize the Chairman of the Board</i>	

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>of Directors to choose an appropriate time for distribution of: the Welfare and Reward Fund, and the Management and Executive Board Reward Fund (Bonus for exceeding the Net Profit after Tax plan for the Board of Directors, Supervisory Board, and the Company's Executive Board) established according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders.</i>	
6	15/2025/NQ-HĐQT	23/04/2026 <i>April 23, 2026</i>	Thông qua ban hành Quy chế ủy quyền thanh toán cho cán bộ công nhân viên <i>Approve the issuance of Regulations authorizing payment processing for employees</i>	100%
7	16/2026/NQ-HĐQT	12/06/2026 <i>Jun 12, 2026</i>	Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2026 bằng tiền và ngày chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2026 bằng tiền. <i>Approve the first advance payment of 2026 cash dividend and the record date for the first advance payment of 2026 cash dividend.</i>	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 06 tháng/năm 2026)/ Board of Supervisors (The report 06 months/year 2026):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Board of Supervisors:

STT No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors	Trình độ chuyên môn Qualification
1	Bà Huỳnh Thị Kim Cúc <i>Ms. Huynh Thi Kim Cuc</i>	Trưởng BKS <i>Head of the Board</i>	Ngày bắt đầu/The date becoming: 29/11/2011	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
2	Bà Hoàng Thị Thùy <i>Ms. Hoang Thi Thuy</i>	Thành viên <i>Member</i>	Ngày bắt đầu/The date becoming: 22/07/2017	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
3	Ông Nguyễn Hữu Quang <i>Mr. Nguyen Huu Quang</i>	Thành viên <i>Member</i>	Ngày bắt đầu/The date becoming: 22/07/2017	Kỹ sư Điện <i>Electrical Engineer</i>

2. Cuộc họp của BKS/ Meetings of Board of Supervisors:

STT No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Huỳnh Thị Kim Cúc <i>Ms. Huynh Thi Kim Cuc</i>	2/2	100%	100%	
2	Bà Hoàng Thị Thùy <i>Ms. Hoang Thi Thuy</i>	2/2	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Hữu Quang <i>Mr. Nguyen Huu Quang</i>	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT và Ban điều hành, kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành.

Check and supervise the implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders by the Board of Directors and the Executive Board, and control compliance with current policies and regulations.

- Kiểm tra quá trình đầu tư xây dựng, kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; Kiểm tra giám sát việc vận hành máy móc thiết bị đảm bảo an toàn hiệu quả.

Check the construction investment process, check accounting documents for legality, reasonableness and validity; Check and supervise the operation of machinery and equipment to ensure safety and efficiency.

- BKS thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin tài liệu thông qua các phương tiện thông tin để kịp thời đề ra giải pháp nhằm quản trị rủi ro về hoạt động của công ty.

The Board of Supervisors regularly communicates and exchanges information and documents through the media to promptly propose solutions to manage risks in the company's operations.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của công ty. Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và bộ phận quản lý công ty.

Participate in Board of Directors meetings, monitor the implementation of the company's goals and plans. Review and evaluate the performance of the Board of Directors, Board of Management and the company's management department.

- Theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết HĐQT của Ban giám đốc và bộ phận quản lý công ty

Monitor the implementation of the Board of Directors' resolutions by the Board of Directors and the company's management department.

- Phối hợp với HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán BCTC công ty
Coordinate with the Board of Directors to select an auditing unit to audit the company's financial statements.
- Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, ban giám đốc công ty trong việc quản lý sản xuất và điều hành công ty, tuân thủ đúng điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.
Regularly discuss with the Board of Directors and the company's management in production and operation management, complying with current regulations and laws.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors (if any):

Tham gia các cuộc họp của HĐQT và giao ban của Ban điều hành Công ty.
Participate in meetings of the Board of Directors and meetings of the Company's Executive Board.

IV. Ban điều hành/Board of Management:

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management
1	Ngô Trung Dũng Mr. Ngo Trung Dung	24/06/1975 June 24, 1975	Cử nhân Kinh tế Bachelor of Economics	Bổ nhiệm ngày: 19/12/2016 Date of appointment : December 19, 2016
2	Lê Văn Hưng Mr. Le Van Hung	08/04/1987 April 8, 1987	Kỹ sư Điện Electrical Engineer	Bổ nhiệm ngày: 01/01/2020 Date of appointment: January 1, 2020

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant:

Họ và tên Name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm Date of appointment/ dismissal
Trần Đức Nhật Mr. Tran Duc Nhat	10/10/1980 October 10, 1980	Cử nhân Kinh tế Bachelor of Economics	Bổ nhiệm ngày: 01/01/2023 Date of appointment: January 1, 2023

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director

(General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: Không có/ None.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 06 tháng/năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (The report 06 months/year 2026) and transactions of affiliated persons of the Company:

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
1	Nguyễn Văn Cao Nguyen Van Cao		Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật Chairman of the Board, Legal Representative			- TV.HĐQT từ 28/11/2007 đến 26/4/2022 Member of the Board of Directors from November 28, 2007 to April 26, 2022 - CT.HĐQT từ 26/04/2022 Chairman of the Board from April 26, 2022			
2	Nguyễn Đình Thọ Nguyen Dinh Tho		TV HĐQT Member of the Board of Directors			22/07/2017 July 22, 2017			
3	Phạm Phong Thành Pham Phong Thanh		TV độc lập HĐQT, Tổ trưởng tổ KTNB Independent member of the Board of Directors, Head of			27/06/2020 June 27, 2020			

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
			Internal Audit Team						
4	Võ Thụy Vân Khanh Vo Thuy Van Khanh		TV HĐQT Member of the Board of Directors			27/05/2022 May 27, 2022			
5	Trần Minh Huy Tran Minh Huy		TV HĐQT, TV tổ KTNB Member of the Board of Directors, Internal Audit Team Members			27/05/2022 May 27, 2022			
6	Huỳnh Thị Kim Cúc Huynh Thi Kim Cuc		Trưởng BKS Head of Supervisory Board			29/11/2011 November 29, 2011			
7	Hoàng Thị Thùy Hoang Thi Thuy		TV BKS Member of the Board of Supervisors			22/07/2017 July 22, 2017			
8	Nguyễn Hữu Quang Nguyen Huu Quang		TV BKS Member of the Board of Supervisors			22/07/2017 July 22, 2017			

1/000 H 40/2017

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organiza tion /indi vidual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relat ionship with the Company</i>
9	Ngô Trung Dũng <i>Ngo Trung Dung</i>		Giám đốc, Thư ký HĐQT, Người phụ trách QT <i>Director, Secretary of the Board of Directors, Person in charge of Corporate Governance</i>			- Kế toán trưởng từ 11/2/2004 đến 31/12/2022 <i>Chief Accountant from February 11, 2004, to December 31, 2022.</i> - PGĐ từ 19/12/2016 đến 31/12/2022 <i>Deputy Director from December 19, 2016 to December 31, 2022</i> - GĐ từ 01/01/2023 <i>Director from January 1, 2023.</i>			
10	Lê Văn Hung <i>Le Van Hung</i>		Phó Giám đốc <i>Deputy Director</i>			01/01/2020 <i>January 1, 2020</i>			
11	Trần Đức Nhật <i>Tran Duc Nhat</i>		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>			01/01/2023 <i>January 1, 2023</i>			

10/2023/02/14

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Không/None*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không/None*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects:*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Không/ None*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không/ None*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không/ None*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 06 tháng/năm 2026)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (The report 06 months/year 2026):*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons:*

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Nguyễn Văn Cao Nguyen Van Cao		Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật Chairman of the Board, Legal Representative			2.024.945	18,75%	
1.1	Nguyễn Thị Kim Hoa Nguyen Thi Kim Hoa					165.134	1,53%	Vợ Wife
1.2	Nguyễn Thị Thùy An Nguyen Thi Thuy An					170.600	1,58%	Con gái Daughter
1.3	Nguyễn Cao Nguyên Nguyen Cao Nguyen					367.283	3,4%	Con trai Son
1.4	Nông Thị Thùy Linh Nong Thi Thuy Linh							Con dâu Daughter in law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.5	Nguyễn Thị Sinh Nguyen Thi Sinh					20.000	0,19%	Em gái Younger sister
1.6	Nguyễn Hữu Trí Nguyen Huu Tri							Anh trai Older brother
1.7	Cung Thiên Nga Cung Thien Nga							Chị dâu Sister in law
1.8	Nguyễn Văn Hiên Nguyen Van Hien					241.800	2,24%	Em trai Younger brother
1.9	Nguyễn Đình Phái Nguyen Dinh Phai							Anh rể Brother in law
1.10	Nguyễn Thị Thức							Chị gái Older

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Nguyen Thi Thuc							sister
1.11	Trần Thị Định Tran Thi Dinh					39.000	0,36%	Em dâu Younger sister in law
1.12	Nguyễn Thị Kim Nhung Nguyen Thi Kim Nhung							Em dâu Younger sister in law
1.13	Nguyễn Văn Phát Nguyen Van Phat					7.500	0,07%	Em trai Younger brother
1.14	Trần Thị Hòa Tran Thi Hoa							Mẹ vợ Wife's mother
1.15	Công ty TNHH Đầu tư Đô thị Trung Na Trung Na Urban Investment Co.,Ltd							Nguyễn Văn Cao là TV. HĐTV Nguyen Van Cao is a member of the Board of Members
2	Võ Thụy Vân Khanh Vo Thuy Van Khanh		TV HĐQT Board Member			1.098.900	10,17%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.1	Nguyễn Đình Quân Nguyen Dinh Quan							Con trai Son
2.2	Nguyễn Bảo Ngọc Nguyen Bao Ngoc							Con gái Daughter
2.3	Nguyễn Nhật Đan Thanh Nguyen Nhat Dan Thanh							Con gái Daughter
2.4	Võ Văn Soi Vo Van Soi							Bố Father
2.5	Nguyễn Thị Tuyết Nguyen Thi Tuyet					116.761	1,08%	Mẹ Mother
2.6	Võ Thủy Khanh Vo Thuy Khanh							Chị gái Older sister
2.7	Huỳnh Hiệp							Anh rể

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Nén Huynh Hiep Nen							Brother in law
3	Nguyễn Đình Thọ Nguyen Dinh Tho		TV HĐQT Board Member			523.331	4,84%	
3.1	Nguyễn Đức Hinh Nguyen Duc Hinh							Bố vợ Wife's father
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà Nguyen Thi Minh Ha							Vợ Wife
3.3	Nguyễn Thị Bích Hồng Nguyen Thi Bich Hong							Con gái Daughter
3.4	Phạm Trung Hiếu Pham Trung Hieu							Con rể Son in law
3.5	Nguyễn Xuân Đông Nguyen Xuan							Con trai Son

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Dong							
3.6	Nguyễn Đức Tinh Nguyen Duc Tinh							Anh trai Older brother
3.7	Tạ Thị Vụ Ta Thi Vu							Chị dâu Sister in law
3.8	Nguyễn Đình Thịnh Nguyen Dinh Thinh							Anh trai Older brother
3.9	Nguyễn Thị Tuệ Nguyen Thi Tue							Chị dâu Sister in law
3.10	Nguyễn Chúc Sinh Nguyen Chuc Sinh							Em trai Younger brother
3.11	Nguyễn Thị Ngọc Châm Nguyen Thi Ngoc Cham							Em dâu Younger sister in law
3.12	Nguyễn Thế Ngọc Nguyen The Ngoc							Em trai Younger brother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.13	Nguyễn Thị Thu Nguyen Thi Thu							Em dâu Younger sister in law
3.14	Bùi Thị Thực Bui Thi Thuc							Em dâu Younger sister in law
4	Phạm Phong Thành Pham Phong Thanh		TV độc lập HĐQT, Tổ trưởng tổ KTNB Independent Board Member, Head of Internal Audit Team			100	0,001%	
4.1	Phạm Phong Xuân Pham Phong Xuan							Cha Father
4.2	Huỳnh Thị An Huynh Thi An							Mẹ Mother
4.3	Nguyễn Thị Ngọc Bích Nguyen Thi Ngoc Bich							Vợ Wife

191.0.0.0 1/11

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.4	Phạm Nguyễn Nam <i>Pham Nguyen Nam</i>							Con trai Son
4.5	Phạm Nhật Thành <i>Pham Nhat Thanh</i>							Em trai Younger brother
4.6	Phạm Thị Bích Trang Phạm Thị Bích Trang							Em gái Younger sister
4.7	Phạm Thị Bích Thảo <i>Pham Thi Bích Thao</i>							Em gái Younger sister
4.8	Phạm Thị Bích Tâm <i>Pham Thi Bích Tam</i>							Em gái Younger sister

13
14
15
16
17
18

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.9	Đỗ Huệ Dung Do Hue Dung							Mẹ vợ Wife's mother
4.10	Đặng Phương Thảo Dang Phuong Thao							Em rể Younger brother in law
4.11	Hồ Tấn Thanh Ho Tan Thanh							Em rể Younger brother in law
4.12	Lại Văn Lê Thế Cường Lai Van Le The Cuong							Em rể Younger brother in law
5	Trần Minh Huy Tran Minh Huy		TV HQQT, TV tổ KTNB			426.000	3,94%	

T: 11/01/2011

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
			Board Member, Internal Audit Team Members					
5.1	Nguyễn Thị Thảo Vương Nguyen Thi Thao Vuong					31.700	0,29%	Vợ Wife
5.2	Trần Minh Hòa Tran Minh Hoa					550.029	5,09%	Bố Father
5.3	Hồ Thị Sương Ho Thi Suong					50.000	0,46%	Mẹ Mother
5.4	Nguyễn Đình Nguyen Dinh							Bố vợ Wife's father
5.5	Ngô Thị Khoa Ngo Thi Khoa							Mẹ vợ Wife's mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
5.6	Trần Minh Quân Tran Minh Quan							Con trai Son
5.7	Trần Minh Tâm Tran Minh Tam							Con trai Son
5.8	Trần Minh Mỹ Hạnh Tran Minh My Hanh							Em gái Younger sister
5.9	Huỳnh Anh Hào Huyhn Anh Hao							Em rể Younger brother in law
6	Huỳnh Thị Kim Cúc Huyhn Thi Kim Cuc		Trưởng BKS Head of Supervi sory Board			34.558	0,32%	
6.1	Trần Thị Tuông Tran Thi Tuong					60.000	0,56%	Chị dâu Sister in law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
6.2	Nguyễn Thị Nhi <i>Nguyen Thi Nhi</i>							Mẹ <i>Mother</i>
6.3	Huỳnh Thị Lụa <i>Huyhnh Thi Luc</i>							Chị gái <i>Older sister</i>
6.4	Nguyễn Văn Tiền <i>Nguyen Van Tien</i>							Anh rể <i>Brother in law</i>
6.5	Huỳnh Thị Búp <i>Huyhnh Thi Bup</i>							Chị gái <i>Older sister</i>
6.6	Huỳnh Thị Huệ <i>Huyhnh Thi Hue</i>							Chị gái <i>Older sister</i>
6.7	Nguyễn Văn Hải							Anh rể <i>Brother</i>

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Nguyen Van Hai							in law
7	Hoàng Thị Thùy Hoang Thi Thuy		TV BKS Member of the Board of Supervis ors			5.000	0,05%	
7.1	Đặng Văn Ý Dang Van Y							Chồng Husband
7.2	Đặng Hoàng Thành Dang Hoang Thanh							Con trai Son
7.3	Đặng Hoàng Nghĩa Dang Hoang Nghia							Con trai Son
7.4	Hoàng Văn Mỹ Hoang Van My							Bố Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
7.5	Nguyễn Thị Lan Nguyen Thi Lan							Me Mother
7.6	Đặng Hồng Bài Dang Hong Bai							Bố chồng Father of husband
7.7	Lê Thị Hòa Le Thi Hoa							Me chồng Mother of husband
7.8	Hoàng Thị Hồng Hoang Thi Hong							Chị gái Older sister
7.9	Hoàng Thị Hào Hoang Thi Hao							Chị gái Older

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
								sister
7.10	Hoàng Xuân Tinh Hoang Xuan Tinh							Anh trai Older brother
7.11	Vũ Thị Huệ Vu Thi Hue							Chị dâu Sister in law
7.12	Hoàng Thị Huyền Hoang Thi Huyen							Chị gái Older sister
7.13	Nguyễn Văn Thương Nguyen Van Thuong							Anh rể Brother in law
7.14	Hoàng Thị Lệ							Chị gái Older

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Hoang Thi Le							sister
7.15	Nguyễn Hồng Thăng Nguyen Hong Thang							Anh rể Brother in law
7.16	Hoàng Xuân Táo Hoang Xuan Tao							Em trai Younger brother
8	Nguyễn Hữu Quang Nguyen Huu Quang		TV BKS Board Member			20.177	0,19%	
8.1	Phạm Thị Cúc Pham Thi Cuc							Mẹ Mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.2	Nguyễn Hữu Thọ Nguyen Huu Tho							Anh trai Older brother
8.3	Phạm Thị Anh Pham Thi Anh							Chị dâu Sister in law
8.4	Nguyễn Hữu Trí Nguyen Huu Tri							Anh trai Older brother
8.5	Lê Thị Mai Hoa Le Thi Mai Hoa							Chị gái Older sister
8.6	Lê Thị Mai Hương Le Thi Mai Huong							Chị gái Older sister
8.7	Lê Thị Mai Hoàng Le Thi Mai Hoang							Chị gái Older sister
8.8	Phạm Thị Kim Chi Pham Thi Kim Chi					75.000	0,69%	Vợ Wife

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.9	Nguyễn Phạm Phuong Nguyên <i>Nguyen Pham Phuong Nguyen</i>							Con gái <i>Daughter</i>
8.10	Nguyễn Phạm Phuong Nghi <i>Nguyen Pham Phuong Nghi</i>							Con gái <i>Daughter</i>
8.11	Phạm Văn Bé <i>Pham Van Be</i>							Bố vợ <i>Wife's father</i>
8.12	Công ty TNHH Gia Long VN <i>Gia Long VN Co.,Ltd</i>							Nguyễn Hữu Quang là Giám độc Nguyen Huu Quang is Director
9	Ngô Trung Dũng <i>Ngo Trung Dung</i>		Giám đốc, Thư ký HDQT, Người phụ trách QT, Người được ủy quyền CBTT <i>Director, Secretary of the Board of Directors, Person in charge of Corporate Governance, Authorized person to</i>			112.881	1,04%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
			disclose information					
9.1	Nguyễn Thị Phương Thảo <i>Nguyen Thi Phuong Thao</i>					45.000	0,42%	Vợ <i>Wife</i>
9.2	Ngô Nguyễn Minh Trí <i>Ngo Nguyen Minh Tri</i>							Con trai <i>Son</i>
9.3	Ngô Nguyễn Minh Hiếu <i>Ngo Nguyen Minh Hieu</i>							Con trai <i>Son</i>
9.4	Lê Thị Dinh <i>Le Thi Dinh</i>							Mẹ <i>Mother</i>
9.5	Ngô Đăng Tiết <i>Ngo Dang Tiet</i>							Anh trai <i>Older brother</i>

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.6	Đặng Thị Minh Lộc Dang Thi Minh Loc							Chị dâu Sister in law
9.7	Ngô Phong Hiệp Ngo Phong Hiep							Anh trai Older brother
9.8	Lê Nguyễn Thùy Uyên Le Nguyen Thuy Uyen							Chị dâu Sister in law
9.9	Ngô Kiên Cường Ngo Kien Cuong							Em trai Younger brother
9.10	Ngô Thị Như Mai Ngo Thi Nhu Mai							Em gái Younger sister

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.11	Nguyễn Văn Đông Nguyen Van Dong							Em rể Brother in law
9.12	Nguyễn Xuân Đôi Nguyen Xuan Doi							Bố vợ Wife's father
9.13	Huỳnh Thị Bích Ngọc Huynh Thi Bích Ngoc							Mẹ vợ Wife's mother
10	Lê Văn Hưng Le Van Hung		Phó Giám đốc Deputy Director			2.054	0,02%	
10.1	Lê Văn Thành Le Van Thanh							Bố Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.2	Nguyễn Thị Xanh Nguyen Thi Xanh							Me Mother
10.3	Lê Văn Tuấn Le Van Tuan							Anh trai Older brother
10.4	Lê Văn Đức Le Van Duc							Anh trai Older brother
10.5	Lê Văn Thắng Le Van Thang							Anh trai Older brother
10.6	Lê Văn Tý Le Van Ty							Anh trai Older brother
10.7	Lê Văn Phú Le Van Phu							Em trai Younger brother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.8	Lê Văn Cường <i>Le Van Cuong</i>							Em trai <i>Younger brother</i>
10.9	Phạm Thị Thùy Trang <i>Pham Thi Thuy Trang</i>							Vợ <i>Wife</i>
10.10	Lê An Chi <i>Le An Chi</i>							Con gái <i>Daughter</i>
10.11	Nguyễn Thị Ái <i>Nguyen Thi Ai</i>							Mẹ vợ <i>Wife's mother</i>
10.12	Nguyễn Thị Hà <i>Nguyen Thi Ha</i>							Chị dâu

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
								Sister in law
10.13	Võ Thị Minh Hà Vo Thi Minh Ha							Em dâu Younger sister in law
11	Trần Đức Nhật Tran Duc Nhat		Kế toán trưởng Chief Accountant			2.967	0,03%	
11.1	Phạm Thị Trâm Pham Thi Tram							Vợ Wife
11.2	Trần Phạm Băng Băng Tran Pham Bang Bang							Con gái Daughter
11.3	Trần Hoàng Quân Tran Hoang							Con trai Son

13
G
H
Đ
Đ
Đ

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Quan							
11.4	Trần Đức Độ Tran Duc Do							Bố Father
11.5	Trần Thị Thanh Tran Thi Thanh							Mẹ Mother
11.6	Trần Đức Cường Tran Duc Cuong							Em trai Younger brother
11.7	Nguyễn Thị Bích Nguyen Thi Bich							Em dâu Younger sister in law
11.8	Phạm Văn Quy Pham Van Quy							Bố vợ Wife's father

22
TY
:N
E
VG
44

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.9	Võ Thị Thanh Vo Thi Thanh							Mẹ vợ Wife's mother

(Căn cứ DSCĐ do VSDC chốt ngày 14/05/2026)

(Based on the list of shareholders finalized by VSDC on May 14, 2026)

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:**

STT No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	
1	Nguyễn Văn Hiền Nguyen Van Hien	Nguyễn Văn Cao Nguyen Van Cao	242.000	2,24%	241.500	2,24%	Bán Sell
2	Nguyễn Đình Thọ Nguyen Dinh Tho		522.431	4,84%	523.331	4,84%	Mua Buy
3	Nguyễn Thị Thảo Vương Nguyen Thi Thao Vuong	Trần Minh Huy Tran Minh Huy	31.500	0,29%	31.700	0,29%	Mua Buy
4	Huỳnh Thị Kim Cúc Huynh Thi Kim Cuc		34.858	0,32%	34.558	0,32%	Bán Sell
5	Lê Văn Hưng Le Van Hung		2.354	0,02%	2.054	0,02%	Bán Sell

STT No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Tỷ lệ Percentage	
6	Trần Đức Nhật Tran Duc Nhat		2.487	0,02%	2.967	0,03%	Mua Buy

(Căn cứ các DSCĐ do VSDC chốt ngày 09/12/2025 và 14/05/2026)

(Based on the Shareholder Lists finalized by VSDC on December 9, 2025 and May 14, 2026)

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues: Không/ None.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above
- Lưu/Kept at: VT/Archived

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Văn Cao
Nguyen Van Cao